



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 390/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 78/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đo lường số 04/2011/QH13;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 như sau:

“4. Quản lý hoạt động kinh doanh vàng nhằm phát triển ổn định và bền vững thị trường vàng.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 4 như sau:

“6. Hoạt động sản xuất vàng miếng, kinh doanh mua, bán vàng miếng là hoạt động kinh doanh có điều kiện và phải được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng, Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng. Hoạt động mua, bán vàng nguyên liệu của doanh nghiệp, ngân hàng thương mại sản xuất vàng miếng được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 4 như sau:

“7. Hoạt động sản xuất, gia công, kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ không phải là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động sản xuất, gia công, kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, tiêu chuẩn, đo lường, nhãn hàng hóa, niêm yết giá, hóa đơn, chứng từ, thuế, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, phòng, chống rửa tiền và pháp luật khác có liên quan.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 4 như sau:

“10. Việc thanh toán mua, bán vàng có giá trị từ 05 triệu đồng trong ngày trở lên của một khách hàng phải được thực hiện bằng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của pháp luật về thanh toán không dùng tiền mặt.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 14

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 14 như sau:

“4. Doanh nghiệp có đăng ký hoạt động sản xuất, gia công vàng trang sức, mỹ nghệ, có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để thực hiện hợp đồng gia công và xuất khẩu sản phẩm gia công khi nhu cầu nhập khẩu vàng nguyên liệu phù hợp với hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 14 như sau:

“5. Hằng năm, Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài căn cứ vào năng lực sản xuất, tình hình thực hiện hợp đồng gia công hoặc hợp đồng xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ và báo cáo tình hình xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ của năm trước, nếu có, khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có đăng ký hoạt động sản xuất, gia công vàng trang sức, mỹ nghệ;

b) Nhu cầu nhập khẩu vàng nguyên liệu phù hợp với hợp đồng gia công hoặc hợp đồng xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 14 như sau:

“8. Việc xuất khẩu, nhập khẩu các loại vàng sau đây được thực hiện theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, pháp luật về hải quan và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan:

a) Vàng nguyên liệu dưới dạng bột, dung dịch, vảy hàn, muối vàng, dây, ống và các loại vàng trang sức dưới dạng bán thành phẩm;

b) Vàng sử dụng làm nguyên liệu để sản xuất linh kiện điện tử, thiết bị điện tử, thiết bị y tế, dụng cụ y tế.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm đ.4 khoản 10 Điều 14 như sau:

“đ.4) Bán cho doanh nghiệp có đăng ký hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 10 Điều 14 như sau:

“e) Xây dựng hệ thống thông tin để xử lý, lưu trữ đầy đủ, chính xác dữ liệu về xuất khẩu, nhập khẩu, mua, bán, sử dụng, tồn kho vàng nguyên liệu nhập khẩu; dữ liệu giao dịch mua, bán vàng nguyên liệu; thực hiện kết nối, cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.”

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 16

“5. Ngân hàng Nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh vàng đối với hoạt động sản xuất vàng miếng; kinh doanh mua, bán vàng miếng; xuất khẩu, nhập khẩu vàng miếng, vàng nguyên liệu; việc chấp hành quy định về cấp phép, hạn mức, báo cáo, mua, bán, sử dụng vàng nguyên liệu nhập khẩu và hoạt động kinh doanh vàng quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định này.”

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 17

“3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan liên quan có trách nhiệm xây dựng, công bố tiêu chuẩn quốc gia đối với vàng trang sức, mỹ nghệ và vàng miếng; kiểm tra và quản lý đo lường,

chất lượng đối với vàng trang sức, mỹ nghệ, vàng miếng và vàng nguyên liệu trong sản xuất, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường; kiểm định phương tiện đo lường của các doanh nghiệp kinh doanh vàng.”

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 20

“Điều 20. Chế độ báo cáo

Các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại hoạt động kinh doanh vàng phải thực hiện báo cáo tình hình sản xuất, mua, bán vàng miếng; tình hình xuất khẩu, nhập khẩu vàng; tình hình mua, bán, sử dụng, tồn kho vàng nguyên liệu nhập khẩu; tình hình thực hiện hợp đồng gia công, hợp đồng xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ đối với trường hợp được cấp phép nhập khẩu vàng nguyên liệu; tình hình bán vàng nguyên liệu nhập khẩu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền.”

Điều 6. Bãi bỏ Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, điểm a khoản 3 Điều 16, khoản 1 Điều 19.

Điều 7. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 10 năm 2026.
2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ do Ngân hàng Nhà nước cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành không còn là điều kiện để tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.
3. Hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ đã nộp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa được giải quyết thì Ngân hàng Nhà nước chấm dứt việc giải quyết và thông báo cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ. Phí, lệ phí đã nộp, nếu có, được xử lý theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.
4. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vàng; Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm; hạn mức xuất khẩu, nhập khẩu vàng nguyên liệu đã được Ngân hàng Nhà nước cấp hoặc xác định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo nội dung, thời hạn ghi tại giấy phép, hạn mức, trừ trường hợp bị điều chỉnh, thu hồi theo quy định của pháp luật. Việc cấp mới, sửa đổi, bổ sung, gia hạn sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thực hiện theo quy định tại Nghị định này.
5. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định này.

6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b).*th*

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Văn Thắng